

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO -
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO - TÒA ÁN NHÂN
DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2005

Số: 03/2005/TTLT-VKSNDTC-TANDTC

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự
về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và
sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân trong việc
giải quyết các vụ việc dân sự**

Để thi hành đúng và thống nhất một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân trong việc giải quyết các vụ việc dân sự (bao gồm các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động), bảo đảm tốt mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số điểm như sau:

I. VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Thông báo về việc thụ lý vụ việc dân sự

1.1. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý, Tòa án thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ việc dân sự. Trong trường hợp thụ lý nhiều vụ việc dân sự, Tòa án có thể thông báo trong một văn bản về các vụ việc dân sự mà Tòa án đã thụ lý. Văn bản thông báo phải có đầy đủ các nội dung chính quy định tại khoản 2 Điều 174 BLTTDS.

1.2. Sau khi thụ lý vụ việc dân sự, nếu xét thấy vụ việc dân sự đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, thì Tòa án đã thụ lý vụ việc dân sự ra quyết định chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 37 BLTTDS, đồng thời gửi ngay quyết định

19687127

chuyển hồ sơ vụ việc dân sự cho Viện kiểm sát cùng cấp biết.

2. Chuyển hồ sơ vụ việc dân sự

2.1. Chuyển hồ sơ vụ việc dân sự cho Viện kiểm sát cùng cấp để tham gia phiên tòa, phiên họp

Tòa án phải chuyển hồ sơ vụ việc dân sự cho Viện kiểm sát cùng cấp trong các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định của BLTTDS, trừ các trường hợp sau đây:

- Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án cấp phúc thẩm đã kháng nghị phúc thẩm;

- Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm đã kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc theo thủ tục tái thẩm.

Việc chuyển hồ sơ vụ việc dân sự được thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS và được hướng dẫn tại mục 1 Phần II của Thông tư này, Tòa án cấp sơ thẩm gửi hồ sơ vụ án dân sự cùng với quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát ngay sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện kiểm sát phải nghiên cứu và trả lại hồ sơ cho

Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 195 BLTTDS.

b) Trong trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 264 BLTTDS và được hướng dẫn tại mục 2 Phần II của Thông tư này, Tòa án cấp phúc thẩm gửi hồ sơ vụ án dân sự cùng với quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát ngay sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải nghiên cứu và trả lại hồ sơ cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 262 BLTTDS.

c) Trong trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phiên họp giám đốc thẩm, tái thẩm vụ việc dân sự, Tòa án gửi hồ sơ vụ việc dân sự cùng với quyết định kháng nghị cho Viện kiểm sát ngay sau khi Tòa án ra quyết định kháng nghị. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ vụ việc cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 290 và Điều 310 BLTTDS.

d) Trong trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên họp sơ thẩm, phúc thẩm giải quyết việc dân sự, Tòa án gửi hồ sơ vụ việc dân sự cùng với quyết định mở phiên họp cho Viện kiểm sát ngay sau khi Tòa án ra quyết định mở phiên họp.

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ cho Tòa án để mở phiên họp theo quy định tại khoản 1 Điều 313 BLTTDS.

đ) Trong trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên họp phúc thẩm đối với các quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm gửi hồ sơ vụ án cùng với quyết định mở phiên họp cho Viện kiểm sát ngay sau khi Tòa án ra quyết định mở phiên họp. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ cho Tòa án để mở phiên họp.

2.2. Chuyển hồ sơ vụ việc dân sự cho Viện kiểm sát để xem xét kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

a) Sau khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật mà Viện kiểm sát cùng cấp (trong trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự) hoặc Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xét thấy cần phải nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự để xem xét việc kháng nghị phúc thẩm, thì Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ việc cho Viện kiểm sát.

b) Ngay sau khi nhận được yêu cầu của Viện kiểm sát, Tòa án chuyển hồ sơ vụ

việc dân sự cho Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu.

c) Chậm nhất là ngay sau khi hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm quy định tại Điều 252 và khoản 2 Điều 317 BLTTDS, Viện kiểm sát phải trả hồ sơ vụ việc dân sự cho Tòa án đã xét xử hoặc giải quyết sơ thẩm cùng với quyết định kháng nghị (nếu Viện kiểm sát có kháng nghị).

2.3. Chuyển hồ sơ vụ việc dân sự cho Viện kiểm sát để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc theo thủ tục tái thẩm

a) Khi Viện kiểm sát xét thấy cần thiết phải nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự để xem xét, báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc theo thủ tục tái thẩm, thì Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật chuyển hồ sơ vụ việc dân sự đó cho Viện kiểm sát.

b) Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu chuyển hồ sơ, Tòa án chuyển hồ sơ vụ việc cho Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu.

c) Trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc dân sự, nếu Viện kiểm sát không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc theo thủ tục tái thẩm, thì Viện kiểm sát phải chuyển trả lại hồ sơ vụ việc cho Tòa án đã ra bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Nếu

Viện kiểm sát có kháng nghị giám đốc thẩm hoặc kháng nghị tái thẩm, thì Viện kiểm sát chuyển hồ sơ vụ việc dân sự cùng với quyết định kháng nghị cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm hoặc tái thẩm theo quy định tại Điều 290 và Điều 310 BLTTDS.

d) Trong trường hợp Viện kiểm sát và Tòa án cùng có văn bản yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật chuyển hồ sơ vụ việc dân sự để xem xét việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc theo thủ tục tái thẩm, thì Tòa án chuyển hồ sơ vụ việc dân sự cho cơ quan có văn bản yêu cầu trước và thông báo bằng văn bản cho cơ quan kia biết về việc đã chuyển hồ sơ đó.

Trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc dân sự, nếu cơ quan đã được nhận hồ sơ vụ việc dân sự không có kháng nghị, thì thông báo cho cơ quan đã có yêu cầu mà chưa được nhận hồ sơ biết. Nếu cơ quan đó vẫn có đề nghị chuyển hồ sơ vụ việc dân sự để nghiên cứu, thì cơ quan đã được nhận hồ sơ mà không có kháng nghị phải chuyển hồ sơ cho cơ quan đã có yêu cầu chuyển hồ sơ mà chưa được nhận hồ sơ.

Trong trường hợp cơ quan chưa được nhận hồ sơ không có đề nghị chuyển hồ sơ nữa, thì cơ quan đã nhận hồ sơ chuyển trả hồ sơ vụ việc dân sự cho Tòa án đã gửi hồ sơ cho mình.

2.4. Thủ tục chuyển hồ sơ vụ việc dân sự

a) Tất cả tài liệu có trong hồ sơ vụ việc dân sự phải được đánh số thứ tự và có bản kê danh mục các tài liệu. Trước khi chuyển hồ sơ vụ việc từ Tòa án sang Viện kiểm sát hoặc ngược lại, cần kiểm tra đầy đủ tài liệu trong hồ sơ vụ việc dân sự đó. Người nhận hồ sơ vụ việc dân sự phải đối chiếu bản kê danh mục tài liệu với tài liệu đã được đánh số thứ tự trong hồ sơ vụ việc. Việc bàn giao phải được lập biên bản, có ký nhận của hai bên. Trong trường hợp gửi hồ sơ theo đường bưu điện, thì cán bộ nhận hồ sơ vụ việc đầu tiên phải kiểm tra đầy đủ tài liệu có trong hồ sơ, nếu phát hiện trong hồ sơ thiếu tài liệu nào thì phải lập biên bản ghi rõ tài liệu thiếu và thông báo ngay cho cơ quan gửi hồ sơ biết.

b) Các hồ sơ, tài liệu, vật chứng mà đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp cho Viện kiểm sát theo yêu cầu của Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 3 Điều 85 BLTTDS phải được chuyển cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ việc và bảo quản tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS. Thủ tục giao nhận hồ sơ được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 2.4 mục 2 Phần I của Thông tư này.

3. Thông báo Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp và thay đổi Kiểm sát viên

3.1. Thông báo Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp

Đối với các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa, phiên họp dân sự, thì Viện trưởng Viện kiểm sát phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp. Trong trường hợp vụ việc dân sự có tình tiết phức tạp, phiên tòa có thể phải kéo dài nhiều ngày và xét thấy cần thiết thì Viện trưởng Viện kiểm sát có thể phân công Kiểm sát viên dự khuyết. Viện kiểm sát gửi thông báo bằng văn bản về việc phân công Kiểm sát viên, Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có) cho Tòa án. Trong văn bản thông báo phải nêu rõ họ, tên của Kiểm sát viên và Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có) được Viện trưởng phân công tham gia phiên tòa, phiên họp.

3.2. Thông báo thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp

a) Sau khi thông báo cho Tòa án biết việc phân công Kiểm sát viên, Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có) tham gia phiên tòa, phiên họp, nếu thay đổi Kiểm sát viên đó, thì Viện kiểm sát thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết. Trong văn bản thông báo ghi đầy đủ họ, tên của Kiểm sát viên thay thế.

b) Trước khi mở phiên tòa, phiên họp, nếu Tòa án nhận được đơn yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên, thì Tòa án chuyển ngay đơn yêu cầu đó cho Viện trưởng

Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLTTDS. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên, Viện kiểm sát phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết việc thay đổi hay không thay đổi Kiểm sát viên đó. Nếu thay đổi Kiểm sát viên, thì Viện kiểm sát thông báo họ, tên của Kiểm sát viên thay thế.

c) Nếu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử ra quyết định thay đổi Kiểm sát viên theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLTTDS và được hướng dẫn tại mục 4 Phần II của Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTDS, thì Tòa án gửi ngay quyết định đó cho Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLTTDS.

Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Hội đồng xét xử, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định phân công Kiểm sát viên khác thay thế và thông báo bằng văn bản cho Tòa án để Tòa án tiếp tục giải quyết vụ việc dân sự theo thủ tục chung.

d) Tại phiên họp giải quyết việc dân sự

thuộc trường hợp do tập thể gồm ba Thẩm phán giải quyết hoặc tại phiên họp phúc thẩm đối với quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị, thì việc thay đổi Kiểm sát viên được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 3.2 mục 3 Phần I của Thông tư này.

đ) Trường hợp phiên họp giải quyết việc dân sự chỉ do một Thẩm phán giải quyết, nếu tại phiên họp có yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên và xét thấy yêu cầu đó là có căn cứ, thì Thẩm phán ra quyết định hoãn phiên họp và chuyển yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên cho Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLTTDS. Việc thay đổi Kiểm sát viên và thông báo thay đổi Kiểm sát viên trong trường hợp này được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 3.2 mục 3 Phần I của Thông tư này.

4. Hoãn phiên tòa, phiên họp do Kiểm sát viên vắng mặt

4.1. Đối với các trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phiên họp dân sự theo quy định của BLTTDS và hướng dẫn của Thông tư này, Kiểm sát viên được phân công có trách nhiệm phải tham gia phiên tòa, phiên họp.

4.2. Tòa án hoãn phiên tòa, phiên họp

do không có Kiểm sát viên trong trường hợp Kiểm sát viên được phân công không thể tham gia phiên tòa, phiên họp do gặp trở ngại khách quan mà Viện kiểm sát chưa cử được Kiểm sát viên khác thay thế, hoặc tại phiên tòa, phiên họp Kiểm sát viên được phân công không thể tiếp tục tham gia phiên tòa, phiên họp được và không có Kiểm sát viên dự khuyết để thay thế ngay.

Tòa án phải thông báo ngay việc hoãn phiên tòa, phiên họp cho Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp biết.

5. Thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 44, Điều 250 và Điều 316 BLTTDS thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, đối với các vụ việc dân sự do Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, thì Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ủy quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

6. Trách nhiệm của Viện kiểm sát trong trường hợp Tòa án khởi tố vụ án hình sự

6.1. Chuyển quyết định khởi tố vụ án hình sự cho Viện kiểm sát

Trong trường hợp Tòa án khởi tố vụ án hình sự khi có các căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 385 và khoản 3 Điều 387 BLTTDS thì trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố, Tòa án phải căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự để chuyển quyết định khởi tố vụ án và tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội cho Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự. Trường hợp cần phải chuyển tài liệu cho Viện kiểm sát mà bản chính tài liệu đó phải lưu trong hồ sơ vụ án dân sự, thì Tòa án gửi bản sao tài liệu đó (có đóng dấu xác nhận của Tòa án) cho Viện kiểm sát.

6.2. Trách nhiệm của Viện kiểm sát

Viện kiểm sát phải xem xét việc khởi tố, truy tố bị can trong thời hạn do Bộ luật tố tụng hình sự quy định; nếu Viện kiểm sát không quyết định khởi tố, truy tố bị can thì Viện kiểm sát thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do của việc không khởi tố, truy tố bị can cho Tòa án đã ra quyết định khởi tố vụ án biết theo quy định tại khoản 2 Điều 388 BLTTDS.

II. VỀ VIỆC VIỆN KIỂM SÁT THAM GIA PHIÊN TÒA, PHIÊN HỢP

1. Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm

Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS, đối với những vụ án dân sự do Tòa án thu thập chứng cứ mà đương sự có khiếu nại về việc thu thập chứng cứ đó của Tòa án, thì Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm.

1.1. Những vụ án dân sự đương sự có khiếu nại về việc thu thập chứng cứ của Tòa án bao gồm:

a) Những vụ án do Tòa án thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 85 BLTTDS;

b) Những vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 85 BLTTDS, nhưng Tòa án tự mình tiến hành một hoặc một số biện pháp để thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 87, khoản 1 Điều 88 và điểm b khoản 1 Điều 92 BLTTDS.

1.2. Khiếu nại của đương sự về việc thu thập chứng cứ của Tòa án là khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ mà đương sự có căn cứ cho rằng quyết định đó hoặc hành vi đó là không đúng pháp luật, bao gồm các trường hợp sau:

a) Trong vụ án dân sự mà đương sự có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 85 BLTTDS, nhưng Thẩm phán không tiến hành thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự và đương sự khiếu nại;

b) Trong vụ án dân sự mà đương sự có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 85 BLTTDS, nhưng Thẩm phán đã tiến hành biện pháp để thu thập chứng cứ không đúng với biện pháp mà đương sự yêu cầu và đương sự khiếu nại;

c) Trong vụ án dân sự mà đương sự có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 85 BLTTDS và Thẩm phán tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ theo đúng yêu cầu của đương sự nhưng không đầy đủ hoặc không đúng quy định của BLTTDS về việc tiến hành biện pháp đó và đương sự khiếu nại;

d) Trong vụ án dân sự mà đương sự khiếu nại về việc Tòa án thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự khác;

đ) Trong vụ án dân sự mà không có đương sự nào có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, nhưng Tòa án vẫn tiến hành một hoặc một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 85 BLTTDS và đương sự khiếu nại;

e) Trong vụ án dân sự mà đương sự

khiếu nại về việc Tòa án tự thu thập chứng cứ không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 87, khoản 1 Điều 88 và điểm b khoản 1 Điều 92 BLTTDS.

1.3. Việc giải quyết đơn khiếu nại của đương sự và việc Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm

a) Đương sự khiếu nại về việc Tòa án thu thập chứng cứ phải làm đơn khiếu nại. Đơn khiếu nại của đương sự phải có các nội dung chính sau đây:

- Ngày, tháng, năm viết đơn;

- Tên của Tòa án hoặc Viện kiểm sát nhận đơn khiếu nại;

- Tên, địa chỉ của người khiếu nại;

- Tóm tắt nội dung vụ việc;

- Những quyết định, hành vi cụ thể của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ mà đương sự khiếu nại và những yêu cầu cụ thể;

- Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khiếu nại là có căn cứ.

Trường hợp đơn khiếu nại của đương sự không đầy đủ các nội dung trên thì Viện kiểm sát hoặc Tòa án nhận đơn hướng dẫn cho đương sự sửa đổi, bổ sung.

Trong trường hợp đương sự không biết chữ và trực tiếp đến Tòa án hoặc Viện kiểm sát để khiếu nại, thì Tòa án hoặc

Viện kiểm sát phải lập biên bản ghi lại nội dung khiếu nại của đương sự.

b) Trong trường hợp Tòa án nhận được đơn khiếu nại của đương sự thì trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tòa án chuyển bản sao đơn khiếu nại (có đóng dấu xác nhận của Tòa án) cho Viện kiểm sát cùng cấp để Viện kiểm sát thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật và xem xét việc tham gia phiên tòa.

c) Trong trường hợp Viện kiểm sát nhận được đơn khiếu nại của đương sự thì trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Viện kiểm sát chuyển bản sao đơn khiếu nại (có đóng dấu xác nhận của Viện kiểm sát) cho Tòa án để Tòa án giải quyết theo thẩm quyền và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết về việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát.

d) Viện kiểm sát nhận được đơn khiếu nại do đương sự gửi đến hoặc do Tòa án chuyển đến phải vào sổ nhận đơn. Nếu Viện kiểm sát xét thấy cần yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ trên cơ sở khiếu nại của đương sự thì Viện kiểm sát phải có văn bản yêu cầu. Tòa án phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát và thông báo kết quả bằng văn bản cho đương sự và Viện kiểm sát biết. Sau khi xem xét kết quả xác minh, thu thập

chứng cứ của Tòa án, Viện kiểm sát thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết về việc tham gia phiên tòa. Trong trường hợp Viện kiểm sát đã có văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ trên cơ sở khiếu nại của đương sự, nhưng đến ngày hết thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 179 BLTTDS, mà Viện kiểm sát vẫn không nhận được văn bản thông báo về kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án, thì Viện kiểm sát vẫn phải tham gia phiên tòa.

đ) Trong trường hợp đương sự rút đơn khiếu nại hoặc sau khi Tòa án đã giải quyết mà đương sự không tiếp tục khiếu nại về việc thu thập chứng cứ của Tòa án nữa, thì Tòa án thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát biết để Viện kiểm sát quyết định không tham gia phiên tòa. Trường hợp đương sự tiếp tục có đơn khiếu nại, thì Viện kiểm sát thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết về việc tham gia phiên tòa.

e) Trong trường hợp Viện kiểm sát có văn bản thông báo tham gia phiên tòa trước khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì sau khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định tại khoản 2 Điều 195 BLTTDS.

g) Trong trường hợp Viện kiểm sát có

văn bản thông báo tham gia phiên tòa sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì cần phân biệt như sau:

g.1) Trường hợp kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Viện kiểm sát về việc tham gia phiên tòa đến ngày mở phiên tòa được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử còn trên mười lăm ngày, thì Tòa án chuyển ngay hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định tại khoản 2 Điều 195 BLTTDS.

g.2) Trường hợp kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Viện kiểm sát về việc tham gia phiên tòa đến ngày mở phiên tòa được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử còn từ mười lăm ngày trở xuống, nếu Viện kiểm sát có yêu cầu, thì Tòa án chuyển ngay hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ cho Tòa án chậm nhất vào ngày trước ngày mở phiên tòa.

2. Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm

2.1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 264 BLTTDS, thì Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án cấp phúc thẩm phải tham gia phiên tòa phúc thẩm trong các trường hợp sau:

a) Khi Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án cấp sơ thẩm đã tham gia phiên tòa sơ thẩm;

b) Khi Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa

án cấp sơ thẩm không tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng có kháng nghị hoặc Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có kháng nghị bản án sơ thẩm.

2.2. Trong trường hợp đương sự có khiếu nại về việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp phúc thẩm, thì việc chuyển đơn khiếu nại của đương sự được thực hiện theo hướng dẫn tại các điểm b và c tiểu mục 1.3 mục 1 Phần II của Thông tư này. Trường hợp xét thấy cần thiết phải tham gia phiên tòa phúc thẩm thì Viện kiểm sát thông báo bằng văn bản cho Tòa án cấp phúc thẩm biết. Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

2.3. Trong trường hợp được hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 Phần II của Thông tư này, nếu trước khi khai mạc phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát đã rút kháng nghị, thì Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa phúc thẩm. Nếu sau khi khai mạc phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát mới rút kháng nghị, thì Kiểm sát viên vẫn tiếp tục tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 234 BLTTDS.

3. Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, phiên tòa tái thẩm

Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và Điều 310 BLTTDS, Viện kiểm sát phải tham gia tất cả các phiên tòa giám đốc thẩm, phiên tòa tái thẩm. Việc chuyển hồ sơ vụ án và quyết định kháng nghị được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c tiểu mục 2.1 mục 2 Phần I của Thông tư này.

4. Viện kiểm sát tham gia phiên họp sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm

Theo quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 280, Điều 311, khoản 2 Điều 313 và Điều 318 BLTTDS, thì Viện kiểm sát phải tham gia tất cả các phiên họp sơ thẩm, phúc thẩm giải quyết việc dân sự; phiên họp phúc thẩm đối với quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị; phiên họp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm quyết định đã có hiệu lực pháp luật về việc dân sự.

Việc chuyển hồ sơ vụ việc dân sự được thực hiện theo hướng dẫn tại các điểm c, d và đ tiểu mục 2.1 mục 2 Phần I của Thông tư này.

III. VỀ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Khi thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng dân sự quy định tại Điều 404 BLTTDS, Viện kiểm sát có các quyền sau đây:

1. Quyền yêu cầu của Viện kiểm sát đối với Tòa án

1.1. Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án cùng cấp và Tòa án cấp dưới ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Chương XXXIII BLTTDS khi thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Viện kiểm sát nhận được đơn khiếu nại, tố cáo về việc Tòa án, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo không ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời hạn quy định;

b) Viện kiểm sát có căn cứ xác định việc Tòa án, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo không ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời hạn quy định.

Tòa án được yêu cầu có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp vụ việc phức tạp, cần có thêm thời gian, thì Tòa án phải có văn bản thông báo lý do cho Viện kiểm sát biết và trả lời cho Viện

kiểm sát trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

1.2. Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án cùng cấp kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Tòa án cấp mình và Tòa án cấp dưới khi thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Viện kiểm sát nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b) Viện kiểm sát nhận được đơn khiếu nại, tố cáo về việc Tòa án, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo vi phạm pháp luật trong khi giải quyết;

c) Viện kiểm sát có căn cứ xác định việc Tòa án, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong khi giải quyết.

Tòa án được yêu cầu có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp vụ việc phức tạp cần có thêm thời gian, thì Tòa án phải có văn bản thông báo lý do cho Viện kiểm sát biết và trả lời cho Viện kiểm sát trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

1.3. Trong trường hợp Viện kiểm sát đã yêu cầu Tòa án thực hiện các biện pháp được hướng dẫn tại các tiểu mục 1.1 và 1.2 mục 1 Phần III của Thông tư này mà không được Tòa án thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, thì Viện kiểm

sát có quyền yêu cầu Tòa án cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Viện kiểm sát.

Tòa án được yêu cầu có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

2. Quyền kiến nghị của Viện kiểm sát đối với Tòa án

2.1. Trường hợp qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu được Tòa án cung cấp và xác minh thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Tòa án, người có thẩm quyền là thiếu căn cứ, không đúng quy định của pháp luật, thì Viện kiểm sát kiến nghị với Tòa án cùng cấp và Tòa án cấp dưới khắc phục vi phạm pháp luật.

2.2. Trường hợp Viện kiểm sát có yêu cầu (theo quy định tại mục 1 Phần III của Thông tư này) hoặc có kiến nghị khắc phục vi phạm pháp luật (theo quy định tại điểm 2.1 mục 2 Phần III của Thông tư này) đối với Tòa án mà Tòa án được yêu cầu, kiến nghị không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu, kiến nghị của Viện kiểm sát, thì Viện kiểm sát kiến nghị với Tòa án cấp trên.

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH CỦA THÔNG TƯ

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành

sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Những hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trước đây về những vấn đề được hướng dẫn trong Thông tư này hết hiệu lực thi hành.

2. Áp dụng hướng dẫn của Thông tư này đối với những vụ việc dân sự đã được thụ lý, giải quyết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành như sau:

2.1. Đối với những vụ việc dân sự đã được Tòa án thụ lý giải quyết và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thì không áp dụng hướng dẫn tại Thông tư này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, trừ trường hợp bản án, quyết định của Tòa án bị kháng nghị theo các căn cứ khác.

2.2. Đối với những vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và Tòa án đã chuyển hồ sơ vụ án dân sự đó cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tham gia phiên tòa, nhưng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mới xét xử sơ thẩm, thì Viện kiểm sát chỉ tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với những vụ án thuộc trường hợp được hướng dẫn tại mục 1 Phần II của Thông tư này.

2.3. Đối với những vụ án dân sự đã được xét xử sơ thẩm trước ngày Thông tư

này có hiệu lực thi hành, mà Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mới xét xử phúc thẩm, thì Viện kiểm sát chỉ tham gia phiên tòa phúc thẩm đối với những vụ án thuộc trường hợp được hướng dẫn tại mục 2 Phần II của Thông tư này.

2.4. Đối với những vụ án dân sự đã được xét xử sơ thẩm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà Viện kiểm sát đã tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mới xét xử phúc thẩm, thì việc Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm cần phân biệt như sau:

a) Nếu Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS và được hướng dẫn tại mục 1 Phần II của Thông tư này, thì Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa phúc thẩm;

b) Nếu Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS và được hướng dẫn tại mục 1 Phần II của Thông tư này, thì không bắt buộc Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm. Trong trường hợp Viện kiểm sát có thông báo tham gia phiên tòa phúc thẩm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên vắng mặt, thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung.

2.5. Đối với vụ án dân sự được xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nhưng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm tuyên hủy để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm hoặc phúc thẩm, thì việc Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần được giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung, thì báo cáo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân

dân tối cao để giải thích, hướng dẫn bổ sung./.

**KT. VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM
SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Khuất Văn Nga

**KT. CHÁNH ÁN TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**

Đặng Quang Phương